

**Bản án số: 205/2021/HS-ST**

**Ngày: 19/10/2021**

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Đoàn Thị Loan và ông Nguyễn Hồng Thông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 223/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Thị Tt (tên gọi khác: không); sinh ngày 14/5/1989 tại huyện DChâu, tỉnh NAn; nơi thường trú: Xóm 8, xã NĐồng, huyện N Lộc, tỉnh NAn; Nơi ở hiện nay: xóm 6, xã DThành, huyện DChâu, tỉnh N An; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L, sinh năm 1960 và con bà Lê Thị H, sinh năm 1960; chồng: Phạm Văn T, sinh năm 1984 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01/07/2021 đến ngày 10/7/2021 được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Thị N (tên gọi khác: không); sinh ngày 10/10/1981 tại huyện DChâu, tỉnh NAn; nơi thường trú: xóm 1, xã DThành, huyện DChâu, tỉnh NAn; Nơi ở hiện nay: xóm 1, xã DThành, huyện DChâu, tỉnh N An; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế B (đã chết) và con bà Lâm Thị P, sinh năm 1955; chồng: Trần Huy P, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999 và con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01/07/2021 đến ngày 10/7/2021 được tại ngoại (có mặt).

2. Người làm chứng:

- chị Nguyễn Tú T, sinh năm 1994(vắng mặt).

Trú tại: xóm T Tiến, D Ngọc, D Châu, N An.

- chị Moong Thị X, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Trú tại: bản Chăm P, Lượng Minh, T Dương, NAn.

3. Người chứng kiến:

- chị Phan Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: tổ 2, xã T Son, huyện A Son, tỉnh N An.

- anh Trần Văn H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Trú tại: xóm H Nam, xã D Bích, huyện D Châu, tỉnh N An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 30/6/2021, Nguyễn Tú T đi đến khu vực bãi biển xã D Thành, huyện D Châu để tìm gái bán dâm. Khi đi đến quán H Cờ thuộc xóm 6, xã D Thành, huyện D Châu, Nguyễn Tú T gặp Nguyễn Thị N đang nằm trong quán. Thỏi “Có con em nào không chị?”, N hiểu ý T muốn tìm gái bán dâm nên N nói “Quán chị không có em nào, em đi thì chị đưa sang bên này” thì T đồng ý. T và N thỏa thuận giá mỗi lần mua dâm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Sau đó, Nguyễn Thị N dẫn T đi đến Nhà hàng Hoài L 999 do Phan Thị T làm chủ. N nói với T “Có khách đây, vé hai trăm, đưa em nó đi týt”, Tuyết hiểu ý là có người muốn mua dâm với giá 200.000 đồng nên đồng ý, rồi nói Tâm đi vào phòng số 1 của nhà hàng chờ. Phan Thị T gọi Moong Thị X là nhân viên nhà hàng Hoài L 999 vào bán dâm cho T, còn T ra ngoài cảnh giới.

Trước đó, Phan Thị T thỏa thuận với Nguyễn Thị N và Moong Thị X mỗi lần Nguyệt môi giới được 01 khách mua dâm thì N được hưởng 50.000 đồng, X bán dâm được hưởng 80.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, khi Nguyễn Tú T và Moong Thị X đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện D Châu kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ 01 bao cao su chưa qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng do Nguyễn Tú T tự nguyện giao nộp. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 01/7/2021, Nguyễn Thị N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện D Châu đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 173/CT-VKS-DC ngày 06/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện D Châu, tỉnh N An truy tố Phan Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị N về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị T về tội “Chứa mại dâm”, đối với bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Môi giới mại dâm”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su chưa qua sử dụng và sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DChâu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DChâu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận vào khoảng 23 giờ 15 phút ngày 30/6/2021, tại nhà hàng HLinH 999 (xóm 6, xã DThành, huyện DChâu, tỉnh NAn), Phan Thị T đã có hành vi cho Nguyễn Tú T và Moong Thị X mua bán dâm tại nhà hàng do mình quản lý để thu lợi bất chính

số tiền 200.000 đồng thì bị Công an huyện DChâu kiểm tra, bắt quả tang. Nguyễn Thị N có vai trò trung gian, dẫn dắt Nguyễn Tú Tâm để Tâm mua dâm với Moong Thị X. Do đó, Phan Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”, Nguyễn Thị N phạm tội “Môi giới mại dâm”. Hành vi của Phan Thị T đã phạm tội “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự; hành vi của Nguyễn Thị N đã phạm tội “Môi giới dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hoá, trật tự trị an xã hội. Hiện nay, tệ mại dâm đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì, phát triển nếp sống văn hóa, văn minh của cộng đồng. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do háms lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bởi vậy cần phải xử phạt các bị cáo tương xứng với tích chất, mức độ phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định loại hình phạt:

Bị cáo Phan Thị T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; gia đình có người có công với cách mạng. Vì vậy, cần áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thị N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng các quy định tại điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo N.

Xét các bị cáo Phan Thị T và Nguyễn Thị N có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy chưa cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa; đồng thời tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 bao cao su là vật chứng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ. 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Tú T là tiền liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

***Vì các lẽ trên***

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phan Thị T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Chứa mại dâm”.

Giao Phan Thị T cho UBND xã DThành, huyện DChâu, tỉnh N An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 (mười tám tháng) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Môi giới mại dâm”.

Giao Nguyễn Thị N cho UBND xã DThành, huyện DChâu, tỉnh N An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Việc xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiêu hủy hai bao cao su nhãn hiệu VIP Condom màu vàng trắng chưa qua sử dụng, đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DChâu, tỉnh N An theo Phiếu nhập kho số NK0196 ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước Diên Châu theo Biên bản giao nhận tài sản số 56/2021/BBBG-CADC ngày 12 tháng 07 năm 2021.

- *Án phí*: Buộc Phan Thị T và Nguyễn Thị N phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện DChâu;
- THA Hình sự huyện DChâu;
- Chi cục THA Dân sự huyện DChâu;
- Sở Tư pháp tỉnh N An;
- UBND xã DThành;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Quang Trung**